

SỞ Y TẾ HÀ NỘI

Đơn vị: Bệnh viện đa khoa huyện Đan Phượng

Đã in

DANH MỤC THUỐC SỬ DỤNG TẠI BỆNH VIỆN  
NĂM 2022

STT	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đơn vị tính	Đơn giá (VNĐ)
(1)	(2)	(3)	(4)	(12)	(13)
<b>THUỐC TÀN DƯỠC VÀ CHÈ PHẠM YHCT</b>					
1	Cerebrolysin	Peptide (Cerebrolysin concentrate)	215,2mg/ml x 10ml	Ống	86,954
2	Medoclav 625mg	Amoxicilin + Acid Clavulanic	500mg + 125mg	Viên	4,200
3	Medoclav 1g	Amoxicilin + Acid Clavulanic	875mg + 125mg	Viên	6,800
4	Cefepime Kabi 1g	Cefepim	1g	Lọ	43,700
5	Tenamyd-ceftazidime 1g	Ceftazidim	1g	Lọ	21,525
6	Poltraxon	Ceftriaxon	1g	Lọ	14,091
7	Medaxetine 1.5g	Cefuroxim	1,5g	Lọ	26,900
8	Picaroxin 500mg	Ciprofloxacin	500mg	Viên	2,800
9	Emanera 20mg	Esomeprazol	20mg	Viên	8,925
10	Solezol	Esomeprazol	40mg	Lọ	38,900
11	Imipenem Cilastatin Kabi	Imipenem + Cilastatin	500mg + 500mg	Lọ	64,940
12	Levofloxacin/cooper sachet	Levofloxacin	500mg	Chai	63,000
13	Cyplosart 50 FC Tablet	Losartan kali	50mg	Viên	1,323
14	Meropenem Kabi 1g	Meropenem	1g	Lọ	79,830
15	Metformin Stella 1000	Metformin hydroclorid	1000mg	Viên	1,830
16	Glumeform 500 XR	Metformin hydroclorid	500mg	viên	1,200
17	Omeprazole Normon 40	Omeprazol	40mg	Lọ	31,000
18	Ulceron	Pantoprazol	40mg	Lọ	68,450
19	Paracetamol Kabi AD	Paracetamol (Acetaminophen)	1g	Lọ	16,448
20	CHEMISTATIN 10MG	Rosuvastatin	10mg	Viên	1,185
21	Actelsar 40mg	Telmisartan	40mg	Viên	2,586
22	Ciprobid	Ciprofloxacin	400mg	Túi	51,030
23	Agifamcin 300	Rifampicin	300mg	Viên	2,180
24	Isoniazid 300 mg	Isoniazid	300 mg	Viên	480
25	Pyrazinamid	Pyrazinamid	500mg	Viên	600
26	Turbe	Rifampicin + Isoniazid	150mg + 100mg	Viên	1,748
27	Turbezid	Rifampicin + Isoniazid + Pyrazinamid	150mg + 75mg + 400mg	Viên	2,798
28	Ethambutol 400 mg	Ethambutol hydrocloric	400 mg	Viên	1,300
29	Preforin	Methyl prednisolon	40mg	Lọ	23500
30	Hapacol	Paracetamol	250mg	Gói	1,365
31	GLUCOSE	Glucose	5%/500ml	Chai	8,400
32	Nước cất tiêm	Nước cất pha tiêm	5ml	Ống	483
33	Lidocain	Lidocain	40mg/2ml	Ống	389
34	Hotemin	Piroxicam	20mg	Viên	5,775
35	Moxilen	Amoxicilin	500mg	Viên	2,380
36	Clarithromycin Stada (1000)	Clarithromycin	250mg	Viên	2,950
37	Pantostad	Pantoprazol	40mg	Viên	1,500
38	Partamol	Paracetamol	500mg	Viên	450
39	Furosemide	Furosemid	20mg/ 2ml	Ống	998
40	Nước cất tiêm	Nước cất pha tiêm	10ml	Ống	870
41	Aziphar	Azithromycin	200mg/5ml x 15ml	Chai	68,000
42	Mypara	Paracetamol	500mg	Viên	800

STT	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đơn vị tính	Đơn giá (VNĐ)
43	Dogastrol	Pantoprazol	40mg	Viên	2,500
44	Domever	Spironolacton	25mg	Viên	410
45	Oxytocin	Oxytocin	5IU	Ống	3,234
46	Medaxetin	Cefuroxim	500mg	Viên	8,950
47	Trichopol	Metronidazol	500mg/ 100ml	Túi	27,500
48	Amlodipine (Stadovas	Amlodipin	5mg	Viên	509
49	Fabamox	Amoxicilin	500mg	Viên	1,450
50	Solu-Medrol Inj 40mg	Methylprednisolon (dưới dạng Met	40mg	Lọ	36,410
51	AGIFUROS	Furosemid	40mg	Viên	95
52	Bupivacaine for spinal	Bupivacain	0,5%/4ml	Ống	36,183
53	Imipenem Cilastatin K	Imipenem + Cilastatin	500mg + 500mg	Lọ	68,399
54	Trosicam 15mg	Meloxicam	15mg	Viên	7,800
55	Trosicam 7.5mg	Meloxicam	7,5mg	Viên	4,850
56	Acarbose Friulchem	Acarbose	50mg	Viên	2,500
57	GLUCOSE 5% 500ML	Glucose khan (dưới dạng Glucose r	5% 500ml	Chai nhựa	7,214
58	Cifga	Ciprofloxacin (dưới dạng Ciproflo	500mg	viên	590
59	Metronidazol 250	Metronidazol	250mg	viên	252
60	Parazacol 250	Paracetamol	250mg	Gói	1,450
61	Amikacin	Amikacin	500mg/2ml	ống	26,040
62	Negacef 500	Cefuroxim	500mg	Viên	7,350
63	Ciprofloxacin Polpharm	Ciprofloxacin	200mg/100ml	Túi (Cha	38,750
64	SaViAlben 400	Albendazol	400mg	Viên	4,190
65	Golddicron	Gliclazide	30mg	Viên	2,620
66	Hotemin	Piroxicam	20mg	Viên	5,145
67	Bupivacaine Aguettant	Bupivacaine hydrochloride anhydro	100mg/ 20ml	Lọ	46,000
68	Salbutamol Renaudin 0	Salbutamol sulfate	0,5mg/ 1ml (0,05%)	Ống	14,000
69	Medsolu 4mg	Methyl prednisolon	4mg	Viên	890
70	Oxytocin	Oxytocin	5IU/1ml	Ống	4,700
71	Curam 625mg	Amoxicillin (dưới dạng Amoxicilli	500mg + 125mg	Viên	4,418
72	Curam 625mg	Amoxicillin (dưới dạng Amoxicilli	500mg + 125mg	Viên	4,200
73	Partamol Tab.	Paracetamol	500mg	Viên	480
74	Cordarone	Amiodarone hydrochloride	200 mg	Viên	6,750
75	Metipred Tablet	Methyl prednisolon	16mg	Viên	3,200
76	TV- Ceftri 1g	Ceftriaxon (dưới dạng Cefriaxon n	1g	Lọ	5,768
77	Stadovas 5 Tab ( Aml	Amlodipin (dưới dạng Amlodipin b	5mg	Viên	346
78	Partamol eff	Paracetamol	500mg	Viên	1,400
79	Erolin	Loratadin	10mg	Viên	2,100
80	Medaxetine 1.5g	Cefuroxim (dưới dạng Cefuroxim r	1,5g	Lọ	29,900
81	Glucobay 50mg	Acarbose	50mg	Viên	2,760
82	Primocef 500mg	Cefalexin (dưới dạng Cefalexin m	500mg	Viên	3,600
83	Dobutamin - BFS	Dobutamin (dưới dạng Dobutamin	250mg/5ml	Ống	55,000
84	Dutased	Sulfamethoxazol + Trimethoprim	Mỗi 50 ml hỗn dịch c	Chai	23,000
85	Heraprostol	Misoprostol (dưới dạng Misoprost	200mcg	viên	3,434
86	Bosviral	Aciclovir	800mg	Viên	12,400
87	Ofloxacin 0,3%	Ofloxacin	15mg/ 5ml	Lọ	2,200
88	Haemostop	Acid tranexamic	100mg/ml	Ống	11,897
89	Adrenalin	Adrenalin	1mg/1ml	Ống	1,226
90	Vingomin	Methylergometrin maleat	0,2mg/1ml	Ống	11,550
91	Scolanzo	Lansoprazol	30mg	Viên	9,500
92	Tydol PM	Paracetamol + diphenhydramin	500mg+25mg	Viên	850

STT	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đơn vị tính	Đơn giá (VNĐ)
93	Budecort 0,5mg Respu	Budesonid	0,5mg/2ml	Ống(Nar	9,900
94	Kitaro	Spiramycin + Metronidazol	750.000UI + 125 mg	Viên	3,180
95	Prevasel 10 (Pravastati	Pravastatin	10mg	Viên	4,150
96	Oxacilin 250mg	Oxacilin	250mg	Viên	2,100
97	Ephedrine Aguetant 30	Ephedrin	30mg/ml	ống	52,500
98	Diazepam Injection BP	Diazepam	10mg/2ml	ống	12,600
99	Mahimox	Carbocystein	250mg	gói	3,145
100	Volulyte IV 6% 1's	Mỗi túi 500ml chứa: Poly (O-2-hyd	6%, 500ml	Túi	89,000
101	Coversyl Tab 5mg 30's	Perindopril Arginine	5 mg	Viên	5,650
102	Dorotril - H	Lisinopril + Hydrochlorothiazid	20mg+ 12,5mg	Viên	1,900
103	RINGER LACTATE	Mỗi 500ml chứa: Natri clorid 3g; K	500ml	Chai nh	9,030
104	NƯỚC CẮT PHA TIÊM	Nước cắt pha tiêm	500ml	Chai nh	8,925
105	Medskin fusi	Acid Fusidic	0,2g/ 10g	tuýp	17,325
106	Lorista H	Losartan potassium+ Hydrochlothia	50mg+12,5mg	viên	5,985
107	Ramipril GP	Ramipril	2,5mg	Viên	4,000
108	Mizatin Capsule	Nizatidin	150mg	Viên	4,500
109	Medphatobra 80	Tobramycin	80mg/ 2ml	Ống	49,500
110	Acetazolamid	Acetazolamid	250mg	Viên	735
111	Valygyno	Nystatin+ Neomycin+ Polymyxin B	100.000UI+ 35.000U	viên	3,990
112	Newstomaz	Alverin (Citrato) + Simethicon	60mg+ 300mg	viên	1,050
113	Cetimed	Cetirizin	10mg	Viên	4,000
114	Saferon	Sắt (III) hydroxyd polymaltose+ fo	100mg + 500mcg	Viên	4,200
115	Mezapulgit	Attapulgit mormoiron hoạt hóa + h	2,5g+ 0,3g+ 0,2g	Gói	1,050
116	Faskit	Kẽm gluconate	70mg	Gói	1,950
117	Mezaterol 20	Bambuterol	20mg	Viên	1,995
118	Neometin	Metronidazol + neomycin sulphate	500mg + 108,3mg + 2	Viên	9,000
119	Ambroxol-H	Ambroxol	30mg/5ml/50ml	Chai	30,000
120	Zentocor 40mg	Atorvastatin	40mg	Viên	9,833
121	Fynkhepar Tablets	Silymarin	200mg	Viên	3,800
122	Ebitac 25	Enalapril maleate + Hydrochlorothi	10mg + 25mg	Viên	3,450
123	Aspirin	Acetylsalicylic acid	100mg	Viên	450
124	Mibeproxil 300 mg	Tenofovir	300mg	viên	1,806
125	Lidocain	Mỗi lọ 38g chứa: Lidocain 3,8g	3,8g	Lọ	159,000
126	Tiffy syrup	Paracetamol + Phenylephrin HCl +	(120mg + 5mg + 1mg	Chai	20,700
127	Efferalgan (Cơ sở xuất	Paracetamol	80mg	Viên	1,890
128	Duratocin (đóng gói: F	Carbetocin	100mcg/ 1ml	Lọ	398,036
129	Nilcox Baby Fort 250/2	Paracetamol + Clorpheniramin mal	250mg + 2mg	Gói	1,260
130	Gelactive Fort	Nhôm hydroxyd + Magnesi hydrox	300mg + 400mg + 30	Gói	2,900
131	Vincomid	Metoclopramid HCl	10mg/2ml	ống	1,260
132	Vitamin K	Menadion Natribisulfit (Vitamin K	5mg/1ml	ống	3,570
133	Beatil 4mg/10mg	Perindopril + Amlodipin	4mg + 10mg	Viên	5,700
134	Kem Zonaarme	Aciclovir	5%/5g	Tuýp	4,080
135	Còn 70 độ	Còn 70 độ	500ml	Chai	17,500
136	Povidon iod	Povidon iodin	10%/150ml	Chai	23,900
137	Natri clorid 0,9%	Natri clorid	90mg/ 10ml	Lọ	1,180
138	Xenetix 300	Iobitridol	300mg/ml- 50ml	Lọ	275,000
139	Thuốc cam Hàng Bạc g	Nhân sâm, Đảng sâm, Bạch linh, B	0,5g + 1g + 0,7g + 0,	Gói	5,600
140	Bibiso	Cao Actiso,Cao rau đắng đất, Cao H	100mg75mg5,25mg	viên	525
141	An thần bổ tâm - f	Sinh địa, Mạch môn, Thiên môn đ	400mg, 133.3mg, 133	viên	882
142	Còn xoa bóp Bảo Long	(Mã tiền, Huyết giác, Ô đầu, Đại h	1g, 1g, 1g, 1g, 1g, 1g	Chai	25,000

STT	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đơn vị tính	Đơn giá (VNĐ)
143	Đan sâm - Tam thất	Đan sâm Tam thất	1000mg;70mg	Viên	693
144	Thanh nhiệt tiêu độc L	Nhân trần, Bồ công anh, Cúc hoa,	1.000mg, 670mg, 340	Viên	1,995
145	Mát gan tiêu độc	Actiso, rau đắng đất, bìm bìm	100mg; 75mg; 7,5mg	Viên	900
146	Cotrimstada (Cotrimox	Sulfamethoxazol + trimethoprim	400mg80mg	viên	450
147	Stacytine 200 CAP	N-acetylcystein	200mg	viên	700
148	Halixol	Ambroxol	30mg	viên	680
149	Lopassi	Lá sen, Lá vông, Lạc tiên, Tâm sen	500mg; 700mg; 500m	viên	1,150
150	Bactirid dry suspension	Cefixim	800mg/40 ml	Lọ	59,000
151	Cotrimstada	Sulfamethoxazol + trimethoprim	400mg + 80mg	Viên	440
152	Vitamin K	Vitamin K	5mg/1ml	ống	3,600
153	Sodium Bicarbonate Re	Natri hydrocarbonat (natri bicarbon	0,84g/ 10ml	Ống	23,000
154	Ventolin Neb Sol 5mg/	Salbutamol (sulfat)	5mg/ 2,5ml	Ống	8,513
155	Ventolin Neb Sol 2.5m	Salbutamol (sulfat)	2,5mg/ 2,5ml	Ống	4,575
156	Rocuronium Kabi 10m	Rocuronium bromid	10mg/ml	Lọ	58,000
157	Natri clorid 0,9%	Natri clorid	0,9% /1000ml	Chai	14,900
158	Xatral XL 10mg	Alfuzosin	10 mg	Viên	15,291
159	No-Spa 40mg/2ml	Drotaverin clohydrat	40 mg/ 2 ml	Ống	5,306
160	Viartril-S 250mg	Glucosamin	250 mg	Viên	3,381
161	Sirô Hedera 35mg/5ml	Lá thường xuân	35mg/ 5ml	Gói	5,770
162	Bình can	Diệp hạ châu, Bồ công anh, Nhân t	2g, 1g, 2g	Viên	1,260
163	Viên sáng mắt Bảo Phu	Thục địa, Hoài sơn, Đan bì,Phục l	2g; 1g; 0,75g; 0,75g;	Viên	3,200
164	Ama-Power 1g/0,5g	Ampicilin + sulbactam	1g + 500mg	Lọ	62,000
165	Gastevin 30mg	Lanzoprazol	30mg	Viên	9,370
166	Phacodolin 500mg/100	Tinidazol	500mg/100ml	Chai	29,000
167	Gliclada 60mg modifie	Gliclazid	60mg	Viên	5,040
168	Oresol hương cam	Natri clorid+kali clorid+ natri citra	0,7g + 0,3g + 0,58 + 4	Gói	1,650
169	Amlessa 4mg/10mg Ta	Perindopril + Amlodipin	4mg + 10mg	Viên	5,680
170	ENTEROGOLDS	Bacillus clausii	2 tỷ bào tử	Viên	2,625
171	Clopalvix Plus 75mg +	Acetylsalicylic acid + clopidogrel	75mg + 75mg	Viên	3,150
172	Elaria 75mg/3ml	Diclofenac	75mg/3ml	Ống	8,950
173	BFS-Calciclorid 500mg	Calci clorid	500mg/5ml	Ống	888
174	Kali clorid-BFS 10%-5	Kali clorid	10%-5ml	Ống	1,230
175	Fucicort Cre 15g	Fusidic acid + betamethason	20mg/g + 1mg/g	Tuýp	89,400
176	Mirena Sup 1's 52 mg	Levonorgestrel	52 mg	Dụng cụ	#####
177	Smoflipid 20% inf 250	Nhũ dịch lipid	20%, 250ml	Chai	152,000
178	Fresofol 1% Mct/Lct In	Propofol	1%, 20ml	Ống	27,000
179	Rocuronium Kabi 10m	Rocuronium bromid	10mg/ml	Lọ	47,500
180	Volulyte 6% Bag 20's	Tinh bột este hóa (hydroxyethyl sta	6%, 500ml	Túi	88,000
181	Vorifend 500mg	Glucosamin	500mg	Viên	1,400
182	Drotavep 40mg Tablets	Drotaverin clohydrat	40mg	Viên	1,150
183	Bidilucil 500	Meclophenoxat	500mg	Lọ	57,750
184	Digoxin/ Anfarm 0,5m	Digoxin	0,5mg/ 2ml	Ống	22,500
185	Apotel 1g/ 6,7ml	Paracetamol (acetaminophen)	1g/ 6,7ml	Ống	38,400
186	Sucrate gel 1g	Sucralfat	1g	Túi	7,500
187	Cetimed 10mg	Cetirizin	10mg	Viên	4,000
188	Andonbio 75mg	Lactobacillus acidophilus	75mg	Gói	1,295
189	Drenoxol 30mg/10ml	Ambroxol	30mg/ 10mL	Ống	8,600
190	Ramipril GP 2,5mg	Ramipril	2,5mg	Viên	3,995
191	BENITA 120 liều	Budesonid	64mcg/liều x 120liều	Hộp	90,000
192	MESECA 60 liều	Fluticason propionat	50mcg/liều x 60liều	Lọ	96,000

STT	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đơn vị tính	Đơn giá (VNĐ)
193	SCOFI 10ml	Neomycin + polymyxin B + dexam	35.000 IU+60.000 IU	Lọ	37,000
194	Pharmasmooth 750mg	Calci carbonat	750mg	Viên	1,335
195	PymeNospain 40mg/2n	Drotaverin clohydrat	40mg/2ml	Ống	2,300
196	Fegra 180	Fexofenadin	180mg	Viên	4,700
197	Hwazon Inj 1g	Cefoperazon	1g	Lọ	42,950
198	Newstomaz	Alverin (citrat) + simethicon	60mg + 300mg	Viên	973
199	Memloba Fort 120mg	Ginkgo biloba	120mg	viên	1,350
200	Lilonton Injection 3000	Piracetam	3g/15ml	ống	16,800
201	Lilonton Injection 1000	Piracetam	1g/5ml	ống	5,460
202	3B- Medi	Vitamin B1 + B6 + B12	125mg+ 125mg+250	Viên	1,100
203	Cefoperazone 0,5g	Cefoperazon	0,5g	Lọ	32,000
204	Rulid 150mg	Roxithromycin	150 mg	Viên	4,725
205	Vitamin C - OPC 100m	Vitamin C	100mg	Viên	798
206	Pomatat 140mg + 158n	Magnesi aspartat + kali aspartat	140mg + 158mg	Viên	1,008
207	COLESTRIM SUPRA	Fenofibrat	145mg	Viên	7,000
208	GLUCOSE 10% 250M	Glucose	10% 250ml	Chai nhựa	9,765
209	GLUCOSE 20% 500M	Glucose	20% 500ml	Chai nhựa	12,180
210	MAGNESI SULFAT K	Magnesi sulfat	15%/10ml	Ống	2,667
211	NATRI CLORID 0,9%	Natri clorid	0,9% 500ml	Chai nhựa	7,245
212	NEOSTIGMIN KABI (	Neostigmin metylsulfat	0,5mg/ml	Ống	6,615
213	VITAMIN B12 KABI	Vitamin B12 (Cyanocobalamin, Hy	1000 mcg/1ml	Ống	474
214	Ambroxol-H 50ml	Ambroxol	30mg/5ml, 50ml	Chai	28,500
215	Amtesius 4mg	Bromhexin (hydroclorid)	4mg	Gói	3,490
216	Cosyndo B	Vitamin B1 + B6 + B12	175mg + 175mg + 12	Viên	1,100
217	Enalapril HCTZ 20/12.	Enalapril + hydrochlorothiazid	20mg+12,5mg	Viên	3,000
218	Pravastatin Sa Vi 10mg	Pravastatin	10mg	Viên	4,150
219	Elarothene 5mg	Desloratadin	5mg	Viên	6,290
220	Ketorolac A.T 30mg/2l	Ketorolac	30mg/2ml	Ống	8,300
221	Vina-AD 2000IU+400I	Vitamin A + D2	2000IU+400UI	Viên	576
222	Axuka 1000mg+200mg	Amoxicilin + acid clavulanic	1000mg+200mg	Lọ	39,000
223	Bactirid 100mg/5ml Dr	Cefixim	100mg/5ml, Lọ 40ml	Lọ	59,000
224	Texiban 100 500mg/5n	Tranexamic acid	100mg (500mg/5ml)	Ống	14,500
225	Samaca 6mg/6ml	Natri hyaluronat	6mg/6ml	Lọ	25,000
226	Dibetalic 15g	Salicylic acid + betamethason dipro	(0.45g+ 9.6mg)/15g	Tuýp	16,800
227	Seduxen 5mg	Diazepam	5mg	Viên	1,260
228	Levonor 1mg/1ml	Nor-epinephrin (Nor- adrenalin)	1mg/1ml	Ống	35,000
229	Gardenal 100mg	Phenobarbital	100mg	Viên	231
230	Progesterone Injection	Progesteron	25mg/ml	Ống	17,850
231	Ceftibiotic 500	Ceftizoxim	500mg	Lọ	41,495
232	Duratocin 100mcg/1ml	Carbetocin	100mcg/1ml	Ống	398,036
233	Smecta 3g	Diosmectit	3g	Gói	3,475
234	Gelactive Fort 10ml	Magnesi hydroxyd + nhôm hydroxy	400mg + 300mg + 30	Gói	2,900
235	Vincerol 4mg	Acenocoumarol	4mg	viên	795
236	Vintanil 1000	Acetyl leucin	1000mg/10ml	ống	23,913
237	Adrenalin 1mg/1ml	Epinephrin (adrenalin)	1mg/1ml	ống	1,491
238	Vingomin 0,2mg/1ml	Methyl ergometrin (maleat)	0,2mg/1ml	ống	11,500
239	Vincomid 10mg/2ml	Metoclopramid	10mg/2ml	ống	1,218
240	Vinsalmol 5mg/2,5ml	Salbutamol (sulfat)	5mg/2,5ml	ống	8,350
241	Vancomycin 1g	Vancomycin	1g	Lọ	39,000
242	Atropin sulfat 0,25mg/	Atropin sulfat	0,25mg/1ml	Ống	460

STT	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đơn vị tính	Đơn giá (VNĐ)
243	Clophedi 4mg	Chlorpheniramin (hydrogen maleat	4mg	Viên	350
244	Moxifloxan 5mg/ml ey	Moxifloxacin	5mg/ml; 5ml	Lọ	85,500
245	Nước oxy già 3%	Nước oxy già	3%/20ml	Lọ	1,400
246	Pro Salbutamol Inhaler	Salbutamol (sulfat)	100mcg/liều x 200 liều	Bình	51,800
247	Chamcromus 0,03%	Tacrolimus	1,5mg/5g	Tuýp	78,000
248	Boganic	Actiso,Rau đắng đất, Bìm bìm biếc	85mg + 64mg + 6,4m	Viên	650
249	Còn xoa bóp Jamda	Ô đầu, Địa liên, Đại hồi, Quế nhục,	500mg + 500mg + 50	Lọ xịt	18,000
250	Folitad dạ dày	Lá khô, Dạ cẩm, Cỏ hàn the, Khổ s	160mg + 0,12g+ 0,12	Viên	1,750
251	Bình can	Diệp hạ châu, Bồ công anh, Nhân t	2g, 1g, 2g	Viên	1,376
252	Phong thấp ACP	Hy thiêm, Ngũ gia bì gai, Thiên niê	600mg800mg300mg5	Viên	1,208
253	Crila Forte	Cao khô Trinh nữ hoàng cung.	500mg	Viên	4,900
254	Hy đan	Mã tiền chế, Hy thiêm, Ngũ gia bì	13mg + 300mg + 100	Viên	130
255	Biofil	Men bia ép tinh chế	4g/10ml	Ống	2,520
256	Sirô ho Thepharm	Lá thường xuân	13,44g	Chai	52,250
257	An thần bổ tâm -F	Sinh địa, Mạch môn,Thiên môn đờ	400mg, 133.3mg, 133	Viên	777
258	Kim tiền thảo HL	Kim tiền thảo, Râu ngô	4,8g + 1,2g	Viên	259
259	Phalintop	Cam thảo, Đảng sâm, Dịch chiết m	0,5g; 1,5g; 4ml	Ống	3,350
260	Tuần hoàn não Thái Du	Đinh lăng, Bạch quả, Đậu tương	1,32g; 0,33g; 0,083g	Viên	2,916
261	Dưỡng tâm an thần ĐĐ	Lá sen, Lá vông, Lạc tiên, Tâm sen	650mg, 500mg, 650m	Viên	1,050
262	Bổ thận âm đông dược	Thục địa, Hoài sơn, Sơn thù, Mẫu H	560mg, 280mg, 280m	Viên	485
263	Colchicina Seid 1mg T	Colchicin	1mg	Viên	5,200
264	Cefadroxil 1g	Cefadroxil	1g	Viên	2,664
265	Oxacillin IMP 250mg	Oxacilin	250mg	Viên	4,200
266	Tydol PM	Paracetamol + diphenhydramin	500mg+25mg	Viên	695
267	Phacodolin	Tinidazol	500mg/100ml	Chai	21,850
268	Colosar-Denk 50/12.5	Losartan + hydrochlorothiazid	50mg + 12,5mg	Viên	5,400
269	Opeverin	Mebeverin hydroclorid	135mg	Viên	1,695
270	Amlessa 4mg/10mg Ta	Perindopril + amlodipin	4mg+10 mg	Viên	5,700
271	Gliclada 60mg modifie	Gliclazid	60mg	Viên	4,980
272	SaVi Acarbose 100	Acarbose	100mg	Viên	3,900
273	SaViLeucin	Acetyl leucin	500mg	Viên	2,200
274	Savprocal D	Calci carbonat + vitamin D3	750mg + 200IU	Viên	1,400
275	Erolin	Loratadin	120mg	Lọ	78,000
276	Moveloxin Injection 40	Moxifloxacin	400mg/250ml	Túi	238,000
277	Taleva	Itraconazol	100mg	Viên	3,950
278	Dkasolon	Mometason furoat	0,05mg, lọ 60 liều xịt	Lọ	119,000
279	Gentamicin 0.3%	Gentamicin	15mg/ 5ml	Lọ	2,079
280	Tobidex	Tobramycin + dexamethason	15mg + 5mg	Lọ	6,300
281	Alcohol 70°	Cồn 70°	94 độ/ 804,3ml/ 1000	Chai	17,493
282	Levobupi-BFS 50 mg	Levobupivacain	50mg/10ml	Lọ	84,000
283	Rocuronium-BFS	Rocuronium bromid	50mg/5ml	Ống	63,000
284	BFS-Nabica 8,4%	Natri hydrocarbonat (natri bicarbon	0,84g/ 10 ml	Lọ	19,740
285	Stiprol	Glycerol	2,25g/3g; 9g	Tuýp	6,930
286	Golistin-enema	Monobasic natri phosphat+ dibasic	21,41g +7,89g/ 133m	Lọ	51,975
287	Novotane ultra	Polyethylen glycol + Propylen glyc	(4mg + 3mg)/ml; 5ml	Ống	45,000
288	BFS-Mecobal	Mecobalamin	500mcg	Lọ	12,650
289	Zensalbu nebules 2.5	Salbutamol (sulfat)	2,5mg/2,5ml	Ống	4,410
290	Fresofol 1% Mct/Lct In	Propofol	1%, 20ml	Ống	25,420
291	Geloplasma Inj 500ml	Gelatin	500ml	Túi	110,000
292	Volulyte 6% Bag 20's	Tinh bột este hóa (hydroxyethylsta	6%, 500ml	Túi	84,900

STT	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đơn vị tính	Đơn giá (VNĐ)
293	Utrogestan 200mg Cap	Progesteron	200mg	Viên	13,000
294	Lipovenoes 10% PLR	Nhũ dịch lipid	10%, 250ml	Chai	95,250
295	Smoflipid 20% inf 250	Nhũ dịch lipid	20%, 250ml	Chai	153,000
296	Elaria 100mg	Diclofenac	100mg	viên	15,000
297	Lisiplus HCT 20/12.5	Lisinopril + hydrochlorothiazid	20mg + 12,5mg	viên	4,990
298	Opecosyl argin 5	Perindopril	5mg	viên	3,000
299	Glaritus	Insulin analog tác dụng chậm, kéo d	100IU/1ml	ống	209,000
300	Tranagliptin 5	Linagliptin	5mg	viên	5,200
301	Rowatinex	Pinene + camphene + cineol + fenc	31mg + 15mg + 3mg	viên	3,470
302	Sadapron 100	Allopurinol	100mg	Viên	1,750
303	Folihem	Sắt fumarat + acid folic	310mg + 0,35mg	Viên	2,250
304	Trimpol MR	Trimetazidin	35mg	Viên	2,599
305	Carmotop 25mg	Metoprolol	25mg	Viên	1,582
306	GliritDHG 500mg/5mg	Metformin + glibenclamid	500mg + 5mg	viên	2,310
307	Kagawas-150	Nizatidin	150mg	Viên	3,400
308	Bluecezine	Cetirizin	10mg	Viên	4,000
309	Andonbio	Lactobacillus acidophilus	75mg	Gói	1,295
310	Ramipril GP	Ramipril	5mg	Viên	5,481
311	Vitol	Natri hyaluronat	21,6mg/12ml	Lọ	39,000
312	Benita	Budesonid	64mcg/liều x 120 liều	Hộp/ Lọ	90,000
313	Deslora	Desloratadin	5mg	Viên	1,500
314	Cratsuca Suspension "S	Sucralfat	1g	Gói	5,000
315	Ambroxol HCl Tablets	Ambroxol	30mg	Viên	1,050
316	Cefopefast 1000	Cefoperazon	1g	Lọ	42,000
317	Asigastrogit	Attapulgit mormoiron hoạt hóa + h	2,5g + 0,5g	Gói	1,850
318	Theresol	Natri clorid + Natri citrat + Kali cl	0,7g + 0,58g + 0,3g +	Gói	1,630
319	Golcoxib	Celecoxib	200mg	Viên	1,596
320	Tyrosur Gel	Tyrothricin	5mg/5ml	tuýp	61,425
321	Newstomaz	Alverin citrat + simethicon	60mg + 300mg	Viên	935
322	Memloba fort	Ginkgo biloba	120mg	Viên	1,680
323	Lilonton Injection 1000	Piracetam	1g/5ml	ống	6,720
324	Chiamin-S Injection	Acid amin*	3%/250ml	Chai	57,750
325	Desalmux	Carbocistein	375 mg	Gói	4,650
326	Arthledin	Nabumeton	750mg	Viên	3,486
327	Mycotrova 1000	Methocarbamol	1000mg	Viên	1,785
328	Pecrandil 10	Nicorandil	10mg	Viên	3,486
329	Drotusc Forte	Drotaverin clohydrat	80mg	Viên	1,050
330	Disthyrox	Levothyroxin (muối natri)	100mcg	Viên	294
331	Dixirein	Carbocistein	375mg	Viên	525
332	Pomatat	Magnesi aspartat+ kali aspartat	140mg + 158mg	Viên	1,050
333	Meza-Calci D3	Calci carbonat + vitamin D3	750mg + 200UI	Viên	756
334	Aerrane	Isofluran	100%; 100ml	Chai	270,000
335	Sevoflurane	Sevofluran	100%; 250ml	Chai	#####
336	Voltaren Emulgel	Diclofenac	1,16g/ 100g gel	Tuýp	63,200
337	Diclofenac KABI 75M	Diclofenac	75mg/3ml	Ống	790
338	Gemapaxane	Enoxaparin (natri)	4000IU/0,4ml	Bơm tiêm	70,000
339	Cordarone 150mg/3ml	Amiodaron (hydroclorid)	150 mg/3 ml	Ống	30,048
340	Colestrim supra	Fenofibrat	145mg	Viên	7,000
341	Metoclopramid KABI	Metoclopramid	10mg/2ml	Ống	1,040
342	Smecta	Diosmectit	3g	Gói	3,753

STT	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đơn vị tính	Đơn giá (VNĐ)
343	Diprospan	Betamethason	5mg/ml + 2mg/ml	Ống	63,738
344	Humalog Mix 75/25 K	Insulin trộn, hỗn hợp (Mixtard-acti	300U (tương đương 1	Bút tiêm	227,000
345	Mixtard 30 FlexPen	Insulin trộn, hỗn hợp (Mixtard-acti	300IU/3ml	Bút tiêm	68,000
346	Alegysal	Pemiroloast kali	1mg/ml	Lọ	76,760
347	GLUCOSE 5%	Glucose	5%/100ml	Chai nhựa	7,875
348	GLUCOSE 10%	Glucose	10%/250ml	Chai	9,970
349	GLUCOSE 20%	Glucose	20%/500ml	Chai nhựa	12,128
350	NATRI CLORID 0,9%	Natri clorid	0,9%/100ml	Chai nhựa	6,920
351	NATRI CLORID 0,9%	Natri clorid	0,9%/500ml	Chai nhựa	6,598
352	NƯỚC CÁT PHA TIÊM	Nước cất pha tiêm□	500ml	Chai	8,884
353	Ceftizoxim 1g	Ceftizoxim	1g	Lọ	64,000
354	Apigel-Plus	Magnesi hydroxyd + nhôm hydroxy	800mg + 800mg + 80	Gói	3,900
355	Amtesius	Bromhexin (hydroclorid)	4mg	Gói	3,150
356	A.T Nitroglycerin inj	Glyceryl trinitrat(Nitroglycerin)	5mg/ 5ml	Ống	50,000
357	A.T Famotidine 40 inj	Famotidin	40mg/ 5ml	Lọ	70,000
358	Axuka	Amoxicilin + acid clavulanic	1000mg +200mg	Lọ	39,000
359	Bactirid 100mg/5ml dr	Cefixim	100mg/5ml, 40ml	Lọ	59,000
360	Dubemin Injection	Vitamin B1 + B6 + B12	(100mg + 100mg + 1	Ống	13,500
361	Ama-Power	Ampicilin + Sulbactam	1g + 0,5g	Lọ	61,702
362	Fentanyl-Rotexmedica	Fentanyl	0,1mg/2ml	Ống	12,800
363	Midazolam Rotexmedi	Midazolam	5mg/1ml	ống	18,900
364	Aescin	Aescin	20 mg	viên	2,680
365	Pethidin	Pethidin	100mg/2ml	ống	18,000
366	Rodogyl	Spiramycin + Metronidazol	750.000 UI + 125 mg	viên	6,800
367	Fentanyl B.Braun 0.5m	Fentanyl	0,5mg/10ml	Ống	24,000
368	Suxamethonium Chlori	Suxamethonium clorid	100mg	Ống	19,564
369	Osaphine	Morphin (hydroclorid, sulfat)	10mg/1ml	Ống	3,696
370	Ephedrine Aguettant 30	Ephedrin (hydroclorid)	30mg/ml	Ống	52,500
371	Nefolin	Nefopam (hydroclorid)	30 mg	Viên	5,250
372	Colocol suppo 150	Paracetamol (acetaminophen)	150 mg	Viên	1,596
373	Medoclor 500mg	Cefaclor	500 mg	Viên	9,430
374	Nerუსyn 1,5g	Ampicilin + sulbactam	1g + 500mg	Lọ	40,000
375	Misanlugel	Aluminum phosphat	20%/12,4g	gói	2,100
376	Tobradex	Tobramycin + dexamethason	3mg/1gram + 1mg/1g	Tuýp	49,900
377	Buto-Asma	Salbutamol (sulfat)	100mcg/liều	Bình	50,879
378	Comiaryl 2mg/500mg	Glimepirid + metformin	2mg + 500mg	Viên	2,500
379	Vinstigmin	Neostigmin metylsulfat	0,5mg/ml	Ống	6,100
380	Dimedrol	Diphenhydramin	10mg/ml	Ống	492
381	Noradrenalin	Nor-epinephrin (Nor- adrenalin)	1mg/1ml	Ống	26,000
382	Vinphyton 1mg	Phytomenadion (vitamin K1)	1mg/1ml	Ống	1,260
383	Vincardipin	Nicardipin	10mg/10ml	Ống	84,000
384	Vincerol 4mg	Acenocoumarol	4mg	Viên	570
385	Atropin sulfat	Atropin sulfat	0,25mg/1ml	Ống	438
386	Vin-hepa 5g	L-Ornithin - L- aspartat	5g/10ml	Ống	29,400
387	Vintanil 1000	Acetyl leucin	1000mg/10ml	Ống	23,500
388	Vinsalmol 5	Salbutamol (sulfat)	5mg/2,5ml	Ống	8,375
389	Vinterlin	Terbutalin	0,5mg/ml	Ống	4,620
390	Calci clorid	Calci clorid	500mg/5ml	Ống	930
391	Kali clorid 10%	Kali clorid	500mg/5ml	Ống	1,176
392	Natri clorid 10%	Natri clorid	500mg/5ml	Ống	2,500

STT	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đơn vị tính	Đơn giá (VNĐ)
393	Vitamin K	Vitamin K	5mg/1ml	Ống	3,650
394	Vitamin B1	Vitamin B1	100mg/1ml	Ống	760
395	Sindazol Intravenous Inj	Tinidazol	500mg/ 100ml	Chai	47,000
396	Moxifloxan 5mg/ml eye	Moxifloxacin	5mg/ml; 5ml	Lọ	79,400
397	Pusadin plus	Fusidic acid + Betamethason	100mg + 5mg - 5g	Tuýp	21,000
398	Sucralfate	Sucralfat	1g	Viên	980
399	Biosubtyl-II	Bacillus subtilis	107 - 108 CFU, 250mg	Viên	1,500
400	Vitamin A-D	Vitamin A + D	2500IU + 200IU	Viên	320
401	Dobutamin Panpharma	Dobutamin	250mg/ 20ml	Lọ	79,800
402	Sodium Bicarbonate Re	Natri hydrocarbonat (natri bicarbonat)	8,4%/10ml	Ống	22,000
403	BPS-Amiron	Amiodaron (hydroclorid)	150mg/3ml	lọ	24,000
404	Cordaflex	Nifedipin	20mg	Viên	900
405	Cao sao vàng	Camphor[Long não], Tinh dầu bạc	3g	lọ	2,520
406	Heparin	Heparin (natri)	25000IU/5ml	lọ	110,000
407	Midazolam Hameln 5mg/ml	Midazolam	5mg/ml	ống	18,900
408	Dimedrol	Diphenhydramin	10mg/1ml	ống	546
409	A.T Nitroglycerin inj	Glyceryl trinitrat(Nitroglycerin)	5mg/5ml	ống	49,980
410	Glaritus 3ml	Insulin analog tác dụng chậm, kéo d	100IU/ml- 3ml	Ống	210,000
411	Vin-Hepa 5g/10ml	L-Ornithin - L- aspartat	5g/10ml	ống	26,250
412	Metformin Stella 500mg	Metformin	500mg	Viên	540
413	Fentanyl 0,1mg/2ml	Fentanyl	0,1mg/2ml	ống	12,600
414	Fentanyl B.Braun 0,5mg/ml	Fentanyl	0,5mg/10ml	ống	24,000
415	Osaphine 10mg/1ml	Morphin	10mg/1ml	ống	3,948
416	Sevoflurane 100%	Sevoflurane	100%/250ml	Chai	#####
417	Vinzix	Furosemid	20mg/2ml	ống	725
418	Misoprostol Stella 200mcg	Misoprostol	200mcg	viên	4,500
419	Lovenox 40mg/0,4ml	Enoxaparin (natri)	40mg/0,4ml	bơm tiêm	89,650
420	Dexamethason 4mg/1ml	Dexamethason	4mg/1ml	ống	762
421	Mixtard 30	Insulin trộn, hỗn hợp (Mixtard-actin	1000UI/ 10ml	lọ	66,000
422	Actrapid 10ml	Insulin tác dụng nhanh, ngắn (Fast-	1000UI/ 10ml	lọ	66,000
423	Gemapaxane 4000IU/ 0,4ml	Enoxaparin (natri)	4000IU/ 0,4ml	bơm tiêm	70,000
424	Metformin Stella 500mg	Metformin	500mg	viên	550
425	Ringer lactate-500ml	Ringer lactat	500ml	Chai nhựa	7,959
426	Ringer lactate-500ml	Ringer lactat	500ml	Chai	7,959
427	Noradrenalin	Nor-epinephrin (Nor- adrenalin)	1mg/1ml	Ống	26,000

#### VỊ THUỐC YHCT

1	Quế chi			gam	84.00
2	Cát căn			gam	126.00
3	Cúc hoa			gam	619.95
4	Sài hồ			gam	761.25
5	Thăng ma			gam	359.10
6	Dây đau xương			gam	91.35
7	Độc hoạt			gam	305.03
8	Khương hoạt			gam	1,249.50
9	Tần giao			gam	840.00
10	Thiên niên kiện			gam	141.75
11	Uy linh tiên			gam	420.00
12	Kim ngân hoa			gam	699.30
13	Liên kiều			gam	460.95
14	Hoàng bá			gam	220.50

STT	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đơn vị tính	Đơn giá (VNĐ)
15	Hoàng cầm			gam	399.00
16	Sinh địa			gam	252.00
17	Xích thược			gam	365.40
18	Thiên ma			gam	924.00
19	Lạc tiên			gam	91.35
20	Phục thần			gam	399.00
21	Táo nhân			gam	459.90
22	Thảo quyết minh			gam	105.00
23	Viễn chí			gam	976.50
24	Ô dược			gam	142.80
25	Kê huyết đằng			gam	87.15
26	Khương hoàng			gam	105.00
27	Ngưu tất			gam	161.70
28	Xuyên khung			gam	315.00
29	Hồe hoa			gam	189.00
30	Bạch linh			gam	336.00
31	Kim tiền thảo			gam	126.00
32	Trạch tả			gam	159.60
33	Tỳ giải			gam	157.50
34	Ý dĩ			gam	147.00
35	Lục thần khúc			gam	189.00
36	Sơn tra			gam	100.80
37	Ngũ vị tử			gam	367.50
38	Sơn thù			gam	388.50
39	Bạch thược			gam	257.25
40	Đương quy			gam	630.00
41	Hà thủ ô			gam	336.00
42	Long nhãn			gam	330.08
43	Thục địa			gam	233.10
44	Câu kỳ tử			gam	313.95
45	Mạch môn			gam	273.00
46	Sa sâm			gam	487.20
47	Cốt toái bồ			gam	147.00
48	Đỗ trọng			gam	189.00
49	Ích trí nhân			gam	598.50
50	Tục đoạn			gam	262.50
51	Bạch truật			gam	360.15
52	Cam thảo			gam	320.25
53	Đại táo			gam	168.00
54	Đảng sâm			gam	682.50
55	Hoài sơn			gam	267.50
56	Hoàng kỳ			gam	336.00
57	Bạch chỉ □			gam	229.95
58	Bạch truật □			gam	347.45
59	Cam thảo □			gam	338.10
60	Đại táo □			gam	147.00
61	Đảng sâm □			gam	628.95
62	Độc hoạt □			gam	290.85
63	Hoèe hoa			gam	302.40
64	Huyền sâm □			gam	207.90

STT	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đơn vị tính	Đơn giá (VNĐ)
65	Ích trí nhân			gam	426.30
66	Kê huyết đằng <input type="checkbox"/>			gam	73.50
67	Khương hoàng/ Uất kim <input type="checkbox"/>			gam	148.05
68	Liên nhục <input type="checkbox"/>			gam	170.10
69	Mẫu đơn bì <input type="checkbox"/>			gam	432.60
70	Ngũ vị tử <input type="checkbox"/>			gam	476.70
71	Ô dược <input type="checkbox"/>			gam	178.50
72	Sơn thù <input type="checkbox"/>			gam	428.40
73	Tang chi			gam	94.50
74	Táo nhân			gam	654.15
75	Thăng ma <input type="checkbox"/>			gam	480.90
76	Thảo quyết minh <input type="checkbox"/>			gam	123.90
77	Thiên niên kiện <input type="checkbox"/>			gam	130.20
78	Uy linh tiên			gam	433.65
79	Xích thực <input type="checkbox"/>			gam	446.25
80	Xuyên khung			gam	328.65
81	Bạch thực <input type="checkbox"/>			gam	294.00
82	Câu kỷ tử <input type="checkbox"/>			gam	346.50
83	Đương quy (Toàn quy) <input type="checkbox"/>			gam	648.80
84	Thổ phục linh <input type="checkbox"/>			gam	157.50
85	Trần bì <input type="checkbox"/>			gam	113.40
86	Tục đoạn <input type="checkbox"/>			gam	273.00





















